

Số: 16/2018/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2018



**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;  
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;  
Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;  
Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;  
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-BPC ngày 08 tháng 7 năm 2018 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Các đối tượng quy định tại khoản này sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

## 2. Điều kiện áp dụng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quy định tại Khoản 1 Điều này nếu tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý và được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được thôi việc ngay;

b) Các trường hợp quy định tại điểm a (*riêng đối với cấp xã chỉ áp dụng cho đối tượng là cán bộ*) và điểm c, Khoản 1 Điều này; đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều này, nếu có thời gian công tác từ đủ 01 năm đến 3 năm sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động (*nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi*), mà tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý, đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

Ưu tiên áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## 3. Đối tượng không áp dụng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chế độ ưu đãi, thu hút của tỉnh;

c) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ; bác sĩ, dược sĩ đại học trở lên trong ngành y tế; viên chức, người lao động thuộc đơn vị sự nghiệp tự chủ 100%;

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang trong thời gian luân chuyển; đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn

thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### 4. Mức hỗ trợ:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thôi việc ngay quy định tại điểm a, Khoản 2 Điều này: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc (*trung bình 6.000.000 đồng/năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội*), nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều này: Được tính hỗ trợ một lần hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương (*nếu có*) và không được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn tiết kiệm 2% dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương hàng năm (*không bao gồm quỹ tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương*) và nguồn tăng thu ngân sách hàng năm (*nếu có*).

6. Thời gian thực hiện: Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018. *lcs*

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu, UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Lao động TBXH;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Hội đặc thù tỉnh;
- Đảng ủy các Khối cơ quan, Doanh nghiệp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b). *JA*

**CHỦ TỊCH**



**Thào Hồng Sơn**